CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT QĐ34 **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
BỆNH VIỆN QUÂN Y 4 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 952/QĐ-BV4 *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm dụng cụ, thiết bị y tế lần 3 năm 2026 tại Bệnh viện Quân y 4

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN QUÂN Y 4

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về việc Quản lý Trang thiết bị y tế; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BQP ngày 12/12/2025 của Bộ Quốc phòng quy định, hướng dẫn một số nội dung về hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/ĐU ngày 29/9/2026 của Đảng ủy Bệnh viện về Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tháng 10 năm 2026;

Căn cứ Biên bản ngày 09/11/2026 của Hội đồng Khoa học và Công nghệ về việc thống nhất đề xuất danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật dụng cụ, thiết bị y tế lần 3 năm 2026 tại Bệnh viện Quân y 4;

Căn cứ Biên bản Hội đồng giá họp ngày 20/11/2026 về việc thông qua giá dự toán gói thầu mua sắm dụng cụ, thiết bị y tế lần 3 năm 2026 tại Bệnh viện Quân y 4;

Căn cứ Quyết định số 951/QĐ-BV4 ngày 23/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Quân y 4 về việc phê duyệt danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật, dự toán mua sắm dụng cụ, thiết bị y tế lần 3 năm 2026 tại Bệnh viện Quân y 4;

Theo đề nghị của khoa Dược-Trang bị tại Tờ trình số 127/TTr-BV4 ngày 23/11/2026 về việc xin phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm dụng cụ, thiết bị y tế lần 3 năm 2026 tại Bệnh viện Quân y 4.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm dụng cụ, thiết bị y tế lần 3 năm 2026 tại Bệnh viện Quân y 4 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Khoa Dược-Trang bị, Cơ quan Tài chính và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, D; T5.

GIÁM ĐỐC

CỤC HẬU CẦN-KỸ THUẬT * BỆNH VIỆN QUÂN Y 4 *

Đại tá Nguyễn Đình Lâm

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN MUA SẮM DỤNG CỤ, THIẾT BỊ Y TẾ LẦN 3 NĂM 2026 TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 4

(Kèm theo Quyết định số 952/QĐ-BV4 ngày 23/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Quân y 4)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Quân y 4	Gói thầu MS-33: Mua sắm dụng cụ, thiết bị y tế lần 3 năm 2026 tại Bệnh viện Quân y 4	Mua sắm dụng cụ, thiết bị y tế gồm: 39 khoản	1.974.304.222	Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác tại Bệnh viện Quân y 4 năm 2026	Chào giá trực tuyến rút gọn	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	30 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	45 ngày	Không áp dụng
	Tổng giá gói thầu			**1.974.304.222 đồng** ***(Một tỷ, chín trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng)***								

Phụ lục 2

DANH MỤC DỤNG CỤ, THIẾT BỊ Y TẾ LẦN 3 NĂM 2026 TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 4

(Kèm theo Quyết định số 952/QĐ-BV4 ngày 23/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Quân y 4)

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
1	Máy hút dịch áp lực thấp dẫn lưu màng phổi kín di động Model: NIHOPHAWA-ST1800	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Hồng Phát/ Việt Nam	- Máy chính: 01 Cái - Dây hút dịch (có giắc đầu vào): 01 Cái - Bình đo áp lực: 01 Bộ - Bộ lọc hút dịch PTFE: 01 Cái - Ống nối: 01 cái - Cầu chì 1A: 01 Cái - Bình đựng dịch bằng nhựa PC có tay cầm: 01 Cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Việt: 01 bộ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	26.250.000	01	26.250.000
2	Bộ đặt nội khí quản người lớn Macintosh (3 lưỡi: Số 2, số 3, số 4) Mã: G14.04.4110.04	G14 Surgical Supply/ Pakistan	Bộ đặt nội khí quản người lớn 3 lưỡi gồm: -1 Lưỡi đặt nội khí quản cong Macintosh số 2-90mm, chất liệu thép y tế không rỉ tích hợp bóng đèn 2.5 V -1 Lưỡi đặt nội khí quản cong Macintosh số 3-108mm, chất liệu thép y tế không rỉ tích hợp bóng đèn 2.5 V - 1 Lưỡi đặt nội khí quản cong Macintosh số 4-133mm, chất liệu thép y tế không rỉ tích hợp bóng đèn 2.5 V - 1 tay cầm sử dụng 2 pin C - 1 hộp nhựa - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Bộ	3.596.775	05	17.983.875
3	Bộ đặt nội khí quản khó Macintosh (Fiber Optic) 3 lưỡi (số 2, số 3, số 4) Mã: 04.4410.05	Hilbro Instruments (Pvt)., Ltd/ Parkistan	Bộ đặt nội khí quản khó Macintosh (Fiber Optic) 3 lưỡi Cấu hình: - 01 Lưỡi đặt nội khí quản khó cong Macintosh số 2 - 01 Lưỡi đặt nội khí quản khó cong Macintosh số 3 - 01 Lưỡi đặt nội khí quản khó cong Macintosh số 4	Bộ	33.600.000	03	100.800.000

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			- 01 hộp đựng - 01 Tay cầm Thông số kỹ thuật: - Lưỡi đèn: + Lưỡi đặt nội khí quản cong Macintosh số 2- 90mm có tích hợp sợi dẫn quang + Lưỡi đặt nội khí quản cong Macintosh số 3- 108mm có tích hợp sợi dẫn quang + Lưỡi đặt nội khí quản cong Macintosh số 4- 133mm có tích hợp sợi dẫn quang + Chất liêu: thép không rỉ + Hấp tiệt trùng nhiệt độ 134°C. - Tay cầm: + Sử dụng pin C, có tích hợp nguồn sáng nằm trên tay cầm + Tay cầm có bề mặt được thiết kế chống trượt - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485				
4	Kẹp phẫu thuật Collin 16.5cm 14.0658.16	Hilbro-Parkistan	Kẹp phẫu thuật Collin 16.5cm -Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	637.875	01	637.875
5	Kìm banh miệng Molt 14cm 48.0112.14	Hilbro/ Parkistan	Kìm banh miệng Molt 14cm - Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	1.987.776	01	1.987.776

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
6	Banh phẫu thuật Adson 3x4T nhọn 16cm 19.0210.16	Hilbro/ Parkistan	Banh phẫu thuật Adson 3x4T nhọn - Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	3.787.787	02	7.575.574
7	Banh phẫu thuật Adson 3x4T nhọn 20cm 19.0210.20	Hilbro/ Parkistan	Banh phẫu thuật Adson 3x4T nhọn 20cm -Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	3.869.880	02	7.739.760
8	Banh phẫu thuật Kocher 60*25mm, 23cm 18.0350.25	Hilbro/ Parkistan	Banh phẫu thuật Kocher 60*25mm, 23cm -Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	558.348	02	1.116.696
9	Banh phẫu thuật Kocher 60*20mm, 23cm 18.0350.20	Hilbro/ Parkistan	Banh phẫu thuật Kocher 60*20mm, 23cm -Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	558.348	02	1.116.696
10	Kẹp phẫu tích Standard Slender 1x2T 18cm 12.0110.18	Hilbro/ Parkistan	Kẹp phẫu tích Standard Slender 1x2T 18cm - Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	207.270	04	829.080

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
11	Kẹp phẫu tích Cushing cong 17cm 12.0081.17	Hilbro/ Parkistan	Kẹp phẫu tích Cushing cong 17cm -Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	299.880	04	1.199.520
12	Kéo phẫu thuật Standard Nhọn-nhọn thẳng 18.5cm 10.0014.18	Hilbro/ Parkistan	Kéo phẫu thuật Standard Nhọn-nhọn thẳng 18.5cm -Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	349.650	04	1.398.600
13	Kẹp phẫu thuật Kocher (Ochsner) cong 18cm 14.0227.18	Hilbro/ Parkistan	Kẹp phẫu thuật Kocher (Ochsner) cong 18cm - Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	391.020	04	1.564.080
14	Kẹp kim phẫu thuật Mayo-Hegar thẳng 18cm 22.0050.18	Hilbro/ Parkistan	Kẹp kim phẫu thuật Mayo-Hegar thẳng 18cm -Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	413.070	04	1.652.280
15	Dụng cụ phẫu thuật-Chén dùng trong phẫu thuật 6 Oz, 71x46mm 81200-06	Hilbro/ Parkistan	Chén dùng trong phẫu thuật, mới 100% - Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	178.000	20	3.560.000
16	Kéo cắt băng Lister 16cm 24.0010.16	Hilbro/ Parkistan	Kéo cắt băng Lister 16cm	Cái	382.463	10	3.824.630

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			-Vật liệu: Thép không rỉ, hấp được nhiệt độ cao đạt một trong các tiêu chuẩn sau: AISI 303/ AISI 304/ AISI 410/ AISI 420 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE				
17	Kẹp phẫu thuật Pozzi 25cm KB 250/25	Nopa instruments medizintechnik GmbH/ Đức	Kẹp phẫu thuật Pozzi 25cm - Chất liệu: Thép không gỉ có xác nhận của hãng đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Dụng cụ có gắn mã UDI - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	1.250.340	02	2.500.680
18	Kẹp khăn phẫu thuật Backhaus 15cm AA 751/15	Nopa instruments medizintechnik GmbH/ Đức	Kẹp khăn phẫu thuật Backhaus 15cm - Chất liệu: Thép không gỉ có xác nhận của hãng đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Dụng cụ có gắn mã UDI - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	659.295	20	13.185.900
19	Kẹp bông Foerster-Ballenger thẳng 25cm AF 200/25	Nopa instruments medizintechnik GmbH/ Đức	Kẹp bông Foerster-Ballenger thẳng 25cm - Chất liệu: Thép không gỉ có xác nhận của hãng đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1 - Dụng cụ có gắn mã UDI - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	1.064.700	20	21.294.000
20	Tủ làm ấm túi máu, dịch truyền 111 lít HYR-111 Haier MODEL: HYR-111	Qingdao Haier Biomedical/ Trung Quốc	- Tủ loại: Kiểu đứng, một cửa kính - Kiểu làm lạnh: bằng không khí nóng cưỡng bức - Thể tích sử dụng: 111 lít - Nhiệt độ bên trong: 26oC ~ 50oC, trên nhiệt độ phòng - Bộ điều khiển vi xử lý - Màn hình hiển thị LCD cảm ứng - Độ ồn: 42 dBA - Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 130W	Cái	68.000.000	01	68.000.000

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			- Kích thước trong (rộng x sâu x cao): 477 x 528 x 462 mm - Kích thước ngoài (rộng x sâu x cao): 597 x 682 x 833 mm - Trọng lượng: 58kg - Chế độ báo thức: Âm thanh + Hiển thị - Các cảnh báo: báo nhiệt độ cao/thấp, báo lỗi cảm biến, báo cửa mở - Có chân điều chỉnh cân bằng và bánh xe tiện dịch chuyển - Cổng kiểm tra nhiệt độ - Giá để mẫu: 2 cái				
21	Đèn điều trị vàng da sơ sinh Model: BT – 400	Bistos/ Hàn Quốc	I. Thông tin chung : Năm sản xuất: 2025 Máy mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Cấu hình cung cấp: - Đèn chiếu sáng: 01 cái - Màn hình hiển thị LCD: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - Xe đẩy: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng : 01 bộ II. Thông số kỹ thuật: Tính năng: - Tuổi thọ của bóng đèn LED : 100,000 giờ - Hiệu quả cao với ánh sáng xanh của đèn LED - Thiết kế không sử dụng quạt, độ ồn thấp - Điều chỉnh được mức cường độ sáng (cao, thấp). - Hiển thị thời gian điều trị, tổng thời gian sử dụng. - Hỗ trợ kẹp để có thể cung cấp các tùy chọn cài đặt khác Nguồn sáng:	Cái	39.900.000	01	39.900.000

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			- Đèn được chiếu sáng bởi 8 bóng đèn LED ánh sáng xanh. - Cường độ nguồn sáng trong khoảng 40cm (16 inches) 20 ~ 100 µW/cm2/nm. Điều chỉnh cường độ thấp: 25 ~ 35 µW/cm2/nm ±10%, Cường độ cao: 35 ~ 55 µW/cm2/nm ±10%). - Sự biến thiên cường độ chiếu sáng sau 6 giờ: ±10% - Phạm vi điều trị hiệu quả : 40x20 cm - Phạm vi bước sóng: 450 ~ 475 nm - Bộ đếm thời gian: 30 phút đến 999 giờ 30 phút. Điện năng hoạt động: - Mức độ rò rỉ điện thế :< 100 µA - Nguồn điện sử dụng: 100-240V(50/60Hz) - Điện năng tiêu thụ: khoảng 70VA Nhiệt độ toả ra: - Sử dụng máy liên tục hơn 6 tiếng nhiệt độ toả ra tăng lên : <10o C Màn hình điều khiển: - Loại TFT LCD mà. Kích thước 2.4 inch. - Hiển thị thời gian hoạt động - Hiển thị tổng thời gian hoạt động - Hiển thị mức cường độ chiếu sáng. Mức độ ô nhiễm tiếng ồn: <30dB Tiêu chuẩn: - IEC60601-1, IEC60601-1-2, IEC60601-2-50 Kích thước: - Chiều cao tối đa: 200Cm - Kích thước đầu đèn (DxRxC): 37cm x 19cm x 7,5 cm - Trọng lượng đầu đèn: 3.6kg				

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			- Trọng lượng chân: 8.4kg Môi trường hoạt động: - Nhiệt độ hoạt động: 10 °C ~ 40 °C. Độ ẩm: 5~85°C (không ngưng tụ) - Nhiệt độ lưu trữ: -20°C ~ 60°C. Độ ẩm: 0 ~ 95% (không ngưng tụ) Áp suất: 70kPa ~ 106 kPa				
22	Hệ thống máy theo dõi độ bão hòa oxy trong máu (Máy theo dõi bão hòa Oxy trong máu loại để bàn) - Model: Nellcor Bedside SpO2 Patient Monitoring System	Hãng/ nước sản xuất: Mediana Co., Ltd, Hàn Quốc Hãng/ nước chủ sở hữu: Covidien LLC, Mỹ	Cấu hình - Máy chính kèm pin và phụ kiện tiêu chuẩn (mã 10005941-SG): 01 cái - Phụ kiện kèm theo (bao gồm cả phụ kiện tiêu chuẩn): + Cáp nối trung gian đo SpO2 (mã DOC10): 01 cái + Cảm biến đo SpO¬2 loại kẹp ngón tay dùng nhiều lần cho người lớn (mã DS100A): 01 cái + Bộ cảm biến đo SpO¬2 loại kẹp ngón tay dùng nhiều lần cho trẻ em (mã D-YS+D-YSPD): 01 cái + Cảm biến đo độ bão hòa oxy loại dán dùng 1 lần cho trẻ sơ sinh (MAXNI): 5 cái -Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ Đặc tính, thông số kỹ thuật -Loại máy: để bàn -The Nellcor™ Bedside SpO2 Patient Monitoring System đo độ bão hòa oxy trong máu động mạch (SpO2) và nhịp mạch, liên tục, không xâm lấn. Chỉ được sử dụng khi có chỉ định ở các cơ sở y tế/ trong quá trình vận chuyển đến BV, dùng cho người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh, cho bệnh nhân tưới máu thấp và bình thường	Cái	69.745.000	02	139.490.000

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			-Màn hình hiển thị: TFT LCD màu, kích thước: 4,3inch, độ phân giải: 480 x 272 pixel -Hiển thị tối thiểu: SpO2, nhịp mạch, đồ thị sóng Pleth, biên độ nhịp mạch, trạng thái pin, giới hạn báo động SpO2, nhịp mạch đã cài đặt, chỉ thị nhiễu, thời gian, thông báo cảnh báo, chế độ sử dụng (người lớn/trẻ em/trẻ sơ sinh), trạng thái âm báo động, trạng thái kết nối của cảm biến - Có cổng USB cho phép tải dữ liệu và kết nối với máy tính cá nhân - Tốc độ quét hiển thị của sóng SpO2: 6.25 mm/giây, 12.5 mm/giây, 25.0 mm/giây - Dải đo các thông số: + SpO2: 1 – 100% + Nhịp mạch: 20 – 250 nhịp/ phút + Chỉ số tưới máu: 0.03 – 20% -Độ chính xác của SpO2 trong dải đo từ 70 – 100%: ± 2 digit + Với trẻ sơ sinh: ± 3 digit - Độ chính xác của nhịp mạch: 20 - 250 bpm ±3 digit - Bộ nhớ bên trong máy lưu dữ liệu lên tới 96 giờ - Báo động: + Báo động trong các trường hợp sau: SpO2 và nhịp mạch cao/thấp, pin yếu, sensor tuột. + Có phân cấp báo động: mức cao, mức trung bình, mức thấp. Có chỉ thị bằng màu sắc, thông báo, âm thanh báo động khác nhau cho từng cấp độ báo động + Điều chỉnh mức âm lượng báo động từ 1 – 8, khoảng từ 45 – 80 dB				

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			+ Tạm tắt âm báo động: điều chỉnh được 30, 60, 90 hoặc 120 giây + Cài đặt được giới hạn cao thấp của SpO2 và nhịp mạch: - Giới hạn trên của SpO2: 21-100% - Giới hạn dưới của SpO2: 20- 99% - Giới hạn trên của nhịp mạch: 30 – 245 nhịp/phút - Giới hạn dưới của nhịp mạch: 25 – 240 nhịp/phút - Thời gian sử dụng của pin khi xạc đầy: 5 giờ - Có hệ thống báo động SatSeconds™ dựa trên mức độ và khoảng thời gian của sự thiếu độ bão hòa				
23	Xe tiêm cấp cứu Model: JD-FD01	HEBEI JIEDE MEDICAL EQUIPMENT CO.,LTD/ Trung Quốc	I. Thông tin chung - Máy mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE II. Thông số kĩ thuật 1. Thành phần: Nhôm, thép và nhựa kỹ thuật ABS. Bốn trụ là hợp kim nhôm chịu lực. 2. Phần trên: Mặt xe tiêm rộng, có gờ chắn ABS, giúp vật không bị rơi xuống. Độ cao của thanh chắn là 70mm, bề mặt bàn được trang bị kính mềm trong suốt, tay vịn và thanh chắn được thiết kế tích hợp. 3. Mặt trước xe tiêm: Có khóa trung tâm, được trang bị 5 ngăn kéo: + Ngăn thứ nhất và thứ hai nhỏ: cao 80mm, khoang trong: 508*358*68mm + Hai ngăn giữa: cao 120 mm, khoang trong: 508*358*110mm + Ngăn cuối lớn: cao 240 mm, khoang trong: 508*358*220mm Có ngăn chia 3*3 ở trong ngăn kéo, có	Cái	10.280.000	06	61.680.000

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			thể tháo rời tự do. Có tấm chống trộm, ngăn chất lỏng và bụi xâm nhập. Tay cầm dày dặn và thiết kế nghiêng tiện dụng. Có rãnh dốc lên để dễ quan sát. 4. Mặt trái: Bệ máy khử rung tim có thể được thay thế bằng cây truyền dịch, mặt làm việc và hộp chứa. 5. Mặt phải: Cây truyền dịch. Cây truyền dịch và bệ máy khử rung tim có thể hoán đổi trái và phải, hai thùng rác nhựa ABS sử dụng để phân loại rác. 6. Mặt sau: tấm cứu hộ, giá đỡ bình oxy dạng ống lồng được giấu kín không chiếm không gian, ổ cắm điện có thể di chuyển giúp dễ dàng thay thế nguồn điện 7. Mặt dưới xe tiêm: Bánh xe đa năng thiết kế sang trọng, không gây ồn. Hai trong bốn bánh có trang bị chức năng phanh. III. Cấu hình tiêu chuẩn - Giá máy khử rung tim: 01 cái - Giá trượt: 01 cái Hộp đựng vật sắc nhọn (hủy bơm tiêm): 01 cái - Thùng rác: 01 cái T - Tấm CPR: 01 cái - Giá kẹp bình oxy: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - Hộp đựng: 01 cái - Khóa trung tâm: 01 bộ				
24	Ống soi tai mũi họng; Chủng loại: EJ-3; Code: J2900C	Shenyang Shenda Endoscope	- Ống nội soi tai dùng trong y tế, góc soi quan sát 0 độ, phi 2.7mmx110mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	12.675.731	01	12.675.731

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
		Co., Ltd/ Trung Quốc					
25	Ống soi tai mũi họng; Chủng loại: BD-1; Code: J0270E	Shenyang Shenda Endoscope Co., Ltd/ Trung Quốc	- Ống nội soi mũi dùng trong y tế, góc soi quan sát 70 độ, phi 4mmx175mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	11.184.469	01	11.184.469
26	Ống soi tai mũi họng Chủng loại: EJ-2; Code: J1900C1	Shenyang Shenda Endoscope Co., Ltd/ Trung Quốc	- Ống nội soi tai dùng trong y tế, góc soi quan sát 0 độ, phi 3mmx110mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	12.000.000	02	24.000.000
27	Xe đẩy cáng Model: XDC-011	Hoàng Gia/ Việt Nam	- Kích thước tổng thể: 1900 x 630 x 720 mm ±5% - Chất liệu: Inox 304 - Cáng dễ dàng sử dụng, an toàn, đặc biệt khi chuyển bệnh nhân trong các bệnh viện, dễ vệ sinh, khử trùng. - Cấu tạo xe đẩy cáng gồm 2 phần: Xe đẩy và cáng tay, cáng tay có thể nhấc ra khỏi xe và để vừa trong lòng giường bệnh nhân + Cáng tay: Kích thước 1900 x 570 x 170mm±5% -Mặt cáng: Inox lá dày 1.0mm - Khung cáng: inox ống Φ32 dày 1.2mm - Chân chữ U: inox ống Φ19 dày 1.0mm + Xe đẩy: Kích thước (DxRxC) = 1700x630x630mm ±5% -Khung đỡ cáng tay và chân: Inox ống Φ32 dày 1.2mm -Thanh giằng: Inox ống Φ19 dày 1.0mm - Thành bên: kích thước 805x255mm ±5% , làm bằng inox ống Φ19 và Φ16 dày 1.0mm	Cái	7.000.000	05	35.000.000

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			- Bánh xe: 150mm, có khóa hãm chắc chắn - Đệm da dày 50mm phù hợp với cáng.				
28	Tủ đầu giường Model: TDG	Hoàng Gia/ Việt Nam	Thông số: Chiều dài (Ngang): 400 mm Chiều rộng (Sâu): 350 mm Chiều cao: 900 mm Vật liệu chính: Inox 304 (SUS 304) cao cấp, chống gỉ sét tuyệt đối, chống ăn mòn hóa chất và chịu ẩm tốt. Độ dày inox: Thân và cánh tủ dày từ 0.8 mm – 1.0 mm (đạt chuẩn chịu lực tốt, không bị phập phồng hay lùng bùng)	Cái	1.980.000	20	39.600.000
29	Cọc truyền dịch phòng phẫu thuật. Model: CT509	Hoàng Gia/ Việt Nam	Cọc truyền phòng phẫu thuật - Kích thước: D580xR580xC1700-2000mm - Độ cao có thể điều chỉnh: 120 – 200cm ±5%, tăng chỉnh bằng núm vặn. - Chất liệu: inox 304 - Thân dưới inox ống 31.8mm, thân trên ống 25.4mm, lõi ống 19mm - Có 4 móc treo chắc chắn dùng inox đặc phi 8 - Chân inox hộp 25x50mm	Cái	1.290.000	20	25.800.000
30	Lưỡi kéo cong Mã: 34310MA	KARL STORZ SE & Co. KG/ Đức	Ruột kéo cắt, hàm cong, có khía, hàm tác động đôi, cỡ 5 mm, dài 36 cm	Cái	14.719.000	03	44.157.000
31	Dây đốt cao tần lưỡng cực Mã: 26176LV	KARL STORZ SE & Co. KG/ Đức	- Dây đốt cao tần lưỡng cực, dài 300 cm, khoảng cách giữa 2 chân cắm 28.58 mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	7.935.000	05	39.675.000
32	Vỏ ngoài cỡ 5 mm Ký hiệu: 33300	KARL STORZ SE & Co. KG/ Đức	- Vỏ ngoài cho dụng cụ nội soi - Vật liệu: bằng kim loại, có bọc cách điện - Có đầu nối chuẩn Luer, phục vụ tưới rửa vệ sinh.	Cái	7.785.000	05	38.925.000

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			- Kích thước: Cỡ 5 mm, dài 36 cm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485				
33	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: PVM-4761	Nihon Kohden corporation/ Nhật Bản	Sản xuất năm 2026 trở về sau, mới 100% Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Cung cấp giấy CO-CQ đi kèm Cấu hình : Máy chính màn hình cảm ứng TFT LCD màu 10.4 inch , theo dõi thông số : ECG , nhịp tim, nhịp thở, huyết áp không xâm nhập, SpO2, nhiệt độ . Vận hành bằng pin hay điện . Máy chính 01 Cáp điện tim 01 Bộ dây ECG 3 chuyển đạo , 01 Dây nối SpO2 , 01 Pin sạc 01 Ống đo huyết áp 01 Túi hơi huyết áp người lớn 01 Dây nguồn , 01 Đầu dò SpO2 người lớn 01 đầu dò nhiệt độ 01 Máy ghi nhiệt	Cái	145.000.000	02	290.000.000
34	Máy điện tim 6 cần Model: ECG-3250	Shanghai Kohden Medical Electronic Instrument Corp./ Trung Quốc	Cấu hình : - Máy chính kèm dây nguồn màn hình màu 8 inch, 2 cổng USB loại A, 1 cổng LAN, có thể xuất file DICOM kết nối trực tiếp vô hệ thống PACS và phụ kiện sau: - Cáp điện tim: 01 cái - Điện cực chi: 04 cái - Điện cực ngực: 06 cái	Máy	90.000.000	03	270.000.000

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			- Giấy in theo máy: 01 xấp - Bút lau đầu máy ghi nhiệt: 01 cái - Pin sạc: 01 cái - Đĩa CD tài liệu kỹ thuật , đĩa hướng dẫn đọc kết quả điện tim ECAPS 12C: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/tiếng Việt: 01 bộ				
35	Bơm tiêm điện Model: PG 907s	Progetti S.r.l./ Ý	CẤU HÌNH CUNG CẤP - Máy chính và đầy đủ các phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái - Kẹp cọc truyền: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT - Màn hình màu 4.3 inch, màn hình cảm ứng - Màn hình hiển thị tối thiểu thông tin: + Thông tin bệnh nhân như số giường, tên, giới tính, tuổi, cân nặng, chiều cao... + Thể tích truyền + Tốc độ truyền + Thời gian truyền + Dung lượng pin hiện tại của máy - Chế độ đặt liều tối thiểu có: chế độ mL/h, µg/kg/phút, mg/kg/h; thư viện thuốc - Có thể tự động nhận biết và hiển thị các cỡ xy lanh - Nạp bơm tiêm: Bằng tay - Sử dụng bơm tiêm 7 cỡ xy lanh loại 2ml, 3ml, 5ml, 10ml, 20ml, 30ml, 50/60ml - Dải cài đặt tốc độ tiêm: Từ 0,01 đến 2000ml/h tùy thuộc cỡ xy lanh, bước cài 0,01 ml/giờ	Cái	27.000.000	05	135.000.000

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			- Tốc độ tiêm nhanh (Bolus): Từ 0.1 đến 2000ml/h tùy thuộc cỡ xy lanh - Độ chính xác tiêm: ±2% - Các phương thức Bolus: Tự động và Bằng tay - Dải cài đặt thể tích dịch: Từ 0 đến 9999 ml, bước đặt 0.01ml - Đặt thời gian tiêm: Từ 1 phút đến 99 giờ 59 phút - Các thông số có thể cài đặt tối thiểu bao gồm + Thể tích truyền đặt trước + Thời gian truyền đặt trước + Tốc độ truyền + Tốc độ bơm nhanh (bolus rate) + Điều chỉnh âm lượng cảnh báo - Thời gian sử dụng của ắc quy liên tục ≥ 12 giờ - Cài đặt báo động giới hạn áp lực tắc nghẽn: 12 mức - Có hiển thị thể tích dịch đã tiêm - Có ngưỡng áp lực báo tắc - Cài đặt cân nặng bệnh nhân: 0.1 đến 300 kg - Có thể cài đặt lượng thuốc: Dải cài đặt lượng thuốc: 0.01 – 99999 - Báo động bằng âm thanh và hình ảnh. Báo động trong các trường hợp: + Tắc đường tiêm truyền + Gần hết dịch + Gần hết thuốc trong xy lanh + Hết thuốc trong xy lanh + Tự động phát hiện loại bơm tiêm + Thân của bơm tiêm lắp không đúng				

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			+ Ắc quy yếu + Báo động lại -Các chức năng an toàn: + Chọn áp lực báo tắc đường tiêm: 12 mức + Giảm tốc bolus: giảm áp lực trong bơm tiêm khi gặp báo động tắc nghẽn. + Khóa màn hình, khi màn hình bị khóa, thì không thể thực hiện bất cứ thao tác nào. -Các chức năng khác: + Chức năng chờ + Điều chỉnh âm lượng chuông báo động + Cài đặt ngày, giờ + Lưu và xem dữ liệu: hơn 5000 sự kiện + Phát hiện có nguồn điện lưới AC: Khi kết nối nguồn điện AC, đèn báo AC sẽ sáng + Thay đổi tốc độ tiêm khi máy đang hoạt động				
36	Bơm truyền dịch Model: PG 807i	Progetti S.r.l./Ý	CẤU HÌNH CUNG CẤP - Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn, tối thiểu gồm: + Dây nguồn: 01 cái + Kẹp cọc truyền: 01 cái + Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/tiếng Việt: 01 bộ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT - Màn hình cảm ứng 4.3 inch, hiển thị tối thiểu các thông số: Thể tích dịch đặt trước, tốc độ truyền, thời gian truyền. - Thời gian sử dụng của ắc quy liên tục ≥ 9 giờ	Cái	30.000.000	05	150.000.000

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			- Các loại dây truyền dịch: Sử dụng được với nhiều loại dây truyền dịch dùng cho máy truyền dịch - Dải cài đặt tốc độ truyền: Từ 0,01 đến 2000ml/giờ, Bước cài đặt: 0,01 ml/giờ, tuỳ loại dây truyền - Thể tích dịch đặt trước: Từ 0-9999ml, bước đặt 0.01ml - Ngưỡng áp lực báo tắc đường truyền: Từ 20kPa đến 130kPa - Cài đặt thời gian dịch truyền: từ 1 phút đến 99 giờ 59 phút - Tốc độ truyền nhanh tối đa 2000ml/giờ - Độ chính xác truyền: ± 5% - Báo tắc đường truyền + Có báo tắc áp lực trên và áp lực dưới + Số mức cài đặt ngưỡng báo áp lực dưới: 12 mức -Các cảnh báo, báo động bằng âm thanh / hình ảnh / đèn cảnh báo khi: + Tắc nghẽn đường truyền + Gần hết dịch, hết dịch + Có khí trong đường truyền + Cửa bơm mở + Pin yếu + Mất điện nguồn - Các chức năng khác: + Cài đặt thể tích dịch định truyền + Cài đặt thời gian định truyền + Thay đổi tốc độ truyền khi máy đang hoạt động + Khóa màn hình + Chức năng chờ + Điều chỉnh âm lượng chuông báo động				

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			+ Cài đặt ngày, giờ + Lưu và xem dữ liệu: hơn 5.000 sự kiện + Phát hiện có nguồn điện lưới AC (Khi kết nối nguồn điện AC, đèn báo AC sẽ sáng) -Có thể dùng tương thích với ít nhất 03 hãng cung cấp dây truyền dịch trên thị trường như: Boon A2, Jierui, B.Braun.				
37	Đèn soi bóng đồng tử Model: 1302-P-1011	Keeler Ltd/ Anh	Tính năng nổi bật: - Chùm sáng dạng khe (Streak), xoay liên tục 360°. -Công nghệ kiểm soát bằng từ tính (Rare Earth Magnet) giúp điều chỉnh mượt mà. - Thiết lập 2 vị trí khẩu độ: 4.0 mm hoặc 1.7 mm. - Nguồn điện: Tay cầm pin sạc Lithium-Ion (3.6V) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	25.000.000	01	25.000.000
38	Garo hơi Komprimeter	Riester/ Đức	-Dụng cụ được sử dụng trong thủ thuật đoạn chi để hạn chế sự lưu thông của máu trong các chi. - Bộ bao gồm: 1 áp kế, 1 bao đo bắp tay, 1 bao đo bắp đùi - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	9.000.000	02	18.000.000
39	Máy sắc thuốc đóng gói tự động Ký hiệu: YJ20/3+1 (50-250)	Beijing Donghuayuan Medical Equipment Co., Ltd/ Trung Quốc	Thông tin chung - Thiết bị mới 100% - Năm sản xuất: 2025 trở về sau - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 II. Cấu hình Máy chính: 01 máy III. Thông số kỹ thuật Đặc tính - Máy sắc thuốc kết hợp đóng gói, nhỏ gọn, thiết kế thanh lịch, tiết kiệm không gian	Cái	145.000.000	02	290.000.000

STT	Tên hàng hóa (Ký mã, nhãn hiệu, Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	ĐVT	Đơn giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
			- Áp suất và nhiệt động thông thường, 1-20 thang 1 lần - Công nghệ kỹ thuật số, kiểm soát với độ chính xác cao -Tự động chuyển đổi lửa to, lửa nhỏ - Thời gian nhiệt độ cao (thời gian đun sôi) hiển thị tự động - Nồi sắc chất liệu thủy tinh, quá trình sắc thuốc dễ dàng quan sát Thông số kỹ thuật -Dung tích: 20000ml/nồi x 3 -Công suất sắc thuốc: ≤ 6800W/nồi -Kích cỡ: 1470x550x1250 mm -Trọng lượng: 135kg - Nguồn điện : 220VAC V. Thông tin khác - Bảo hành thiết bị: 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế trong 05 năm sau khi hết hạn bảo hành. - Đào tạo, hướng dẫn sử dụng, vận hành, sửa chữa nhỏ thiết bị tại đơn vị sử dụng. - Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo trì chi tiết (Tiếng Anh + Tiếng Việt) - Cung cấp CO, CQ				
							1.974.304.222

Tổng cộng: 39 khoản